TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/ 2018/HSST
Ngày:04/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- ***Các Hội thẩm nhân dân*** : Ông Ngô Gia Khánh và ông Nguyễn Thái Bảo.
- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Văn Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 22/3/2018 đối với bị cáo :

Họ và Tên: **Trần Văn T,** sinh năm 1998.

Nơi ĐKHKTT và trú tại: xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn A và bà Vũ Thị H; vợ, con: ch- a có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 16/12/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình(có mặt).

* Người bị hại: anh Trần Văn L, sinh năm 1982; Trú tại xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1986; ĐKHKTT: xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Chỗ ở: KM 6, quốc lộ 10, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1990; ĐKHKTT: xóm 1, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện bắt buộc tỉnh Ninh Bình, đóng tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; Trú tại xóm 1, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

Bà Vũ Thị H, sinh năm 1972; Trú tại xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 11 giờ ngày 11/12/2017 Trần Văn T đi bộ từ nhà đến cửa hàng nhôm kính của anh Nguyễn Văn Y ở xóm 12, xã Đ, phát hiện trước cửa hàng có chiếc xe mô tô Honda Wave của anh Trần Văn L đang dựng trước cửa, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. Quan sát xung quanh không có ai để ý, T mở khóa điện nổ máy đi xe về phía ngã ba QH ra hướng đò 10. Trên đường đi T dừng lại kiểm tra thấy bên trong cốp xe có một số vật dụng của chủ xe và 420.000đ, T lấy 420.000đ bỏ vào túi rồi đến khu vực chợ xã CB hỏi mua của một người không quen biết một gói ma túy, sau đó đi tiếp theo đường trục xã CB thì gặp Nguyễn Văn Đ1, quê ở xóm 1, xã H là bạn quen biết, n xe máy đang đi là của anh em Tú và rủ Điền đi cầm cố xe để lấy tiền tiêu sài. Điền đồng ý, sáu đó ĐT rủ Đ1 tìm chỗ sử dụng gói ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, T nói với Đ1 điều khiển xe chở T sang huyện V, tỉnh Nam Định, tại đây T và Đ1 bán chiếc xe mô tô trên cho anh Đinh Văn Đ là chủ cửa hàng mua bán xe máy ở KM 6, Quốc lộ 10, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định với giá 8.000.000đ, sau đó cả hai bắt tắc xi đi về. Số tiền bán xe mô tô Đ1 trả tiền tăcxi 500.000đ, đưa lại cho T 5.000.000đ, còn 2.500.000đ Đ1 giữ lại sau đó cùng với T tiêu sài hết ; số tiền 5.000.000đ T mua 01 chiếc điện thoại Sony XPERIA F3 116 với giá 2.000.000đ, còn lại tiêu xài cá nhân hết. Riêng chiếc ví da màu đen đựng các giấy tờ của anh L, Đ1 đem về cất ở nhà mình. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã bắt giam T, thu giữ chiếc xe mô tô cùng giấy tờ và các vật chứng liên quan của vụ án.

Kết luận định giá tài sản số 40/HĐ-ĐG ngày 16/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 35K1-014.58 có giá trị còn lại là 7.040.000đ. Đối với các vật chứng khác gồm 01 chiếc ví da màu đen, 01 chai nhựa đựng dầu hỏa, 01 dao cắt kính của anh L để trong cốp xe có giá trị còn lại không đáng kể vì vậy cơ quan điều tra Công an huyện K không tiến hành trưng cầu định giá. Như vậy tổng giá trị tài sản mà T đã trộm cắp có giá trị 7.460.000đ.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 27/02/2018 VKSND huyện K đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

□p dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 6 - 9 tháng tù.

□p dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn T đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Nội dung bị cáo khai, ngày 11/12/2017 bị cáo đi bộ đến cửa hàng nhôm kính của anh Y chơi, khi này trong nhà anh Y chỉ có một người phụ nữ đang nấu cơm, bị cáo nhìn thấy trước cửa hàng có chiếc xe máy, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa, quan sát xung quanh không thấy có ai, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên bán lấy tiền tiêu sài, bị cáo liền ngồi lên xe nổ máy đi ra ngoài đường 21B về h- ớng ngã ba QH, đi Đò 10. Đi được một đoạn thấy cốp xe bật lên, bị cáo dừng xe kiểm tra thấy trong cốp xe có 01 ví màu đen, 01 th- ớc cuộn, 01 dao cắt kính, 01 lọ dầu hỏa, 01 kính mắt màu đen và số tiền 420.000đ. Bị cáo lấy 420.000đ bỏ vào túi quần, sau đó đi lên xã CB mua được của một người không quen biết 01 gói ma túy với giá 250.000đ. Bị cáo gặp Đ1 là bạn quen biết ở đường trục xã CB, bị cáo rủ Đ1 cùng sử dụng ma túy. Sau khi dùng xong ma túy bị cáo rủ Đ1 đi cầm cố chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được nhưng bị cáo nói với Đ1 chiếc xe trên là của anh em nhà bị cáo, Đ1 đồng ý và đã chở bị cáo sang tỉnh Nam Định, sau đó bị cáo và Đ1 đã bán xe cho một người chủ cửa hàng mua bán xe máy cũ với giá 8.000.000đ.

[2] Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản tiếp nhận tố giác tin báo về tội phạm, biên bản làm việc, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu cũng như kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện K…

[3] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, với hành vi trộm cắp tài sản của người khác có giá trị 7.460.000đ, bị cáo Trần Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Lợi dụng người bị hại có sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ, sau đó đem đi tiêu thụ nhằm phục vụ cho việc tiêu sài của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

Khi lượng hình cũng cần xem xét, bị cáo phạm tội do bột phát, không có chủ định từ trước, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi bị bắt bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình; tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và người đã mua tài sản do bị cáo trộm cắp; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đ- ợc quy định tại các điểm h,p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Mặc dù tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không lớn và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng xét nhân thân của bị cáo là người sử dụng ma túy, không có công ăn việc làm ổn định, vì vậy HĐXX xét thấy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

[5] Trong vụ án này, Nguyễn Văn Đ1 là người cùng bị cáo đi bán chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp, nhưng anh Đ1 không biết chiếc xe đó là do phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do Đ1 là người đang bị truy tìm theo Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc số 156/QĐ-CBGDLĐXH ngày 30/11/2012 của Trung tâm chữa bệnh, giáo dục Lao động xã hội tỉnh Ninh Bình. Cơ quan điều tra Công an huyện K đã lập biên bản thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn Đ1; Hành vi của Trần Văn T và Nguyễn Văn Đ1 cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy ngày 11/12/2017 đã bị công an huyện K ra Quyết định xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: ng- ời bị hại đã đ- ợc nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô cùng giấy tờ kèm theo và đ- ợc gia đình bị cáo bồi th- ờng đầy đủ các tài sản do bị cáo T trộm cắp, đến nay anh L không có yêu cầu gì thêm về việc bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đ, là người đã mua tài sản do bị cáo trộm cắp nhưng anh Đ không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, đây là quan hệ dân sự bất hợp pháp nhưng ngay tình, nay anh Đ đã được nhận lại từ gia đình bị cáo và gia đình người có nghĩa vụ liên quan (gia đình anh Đ1) số tiền 7.000.000đ, còn thiếu 1.000.000đ nhưng do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên anh Đ không yêu cầu bồi thường tiếp; Bà H và chị N tự nguyện đứng ra bồi thường giúp cho bị cáo và anh Đ1 số tiền mà bị cáo và anh Đ1 bán tài sản trộm cắp và đã tiêu sài hết, nhưng việc đứng ra bồi thường giúp xuất phát từ quan hệ mẹ con và chị em trong gia đình, nay họ không có yêu cầu gì, do vậy trách nhiệm dân sự của bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan là anh Đ1 không cần xem xét đến nữa.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý xong một số vật chứng trong vụ án. Hiện nay cơ quan điều tra còn chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện K một số tài sản gồm 01 điện thoại di động Sony XPE RIA F3 116 màu xám bạc và 01 điện thoại di động Sam sung Galaxy J3 màu vàng thu giữ của bị cáo và của anh Đ1. Trong đó chiếc điện thoại sony là do bị cáo T dùng tiền bán xe mô tô trộm cắp để mua, nhưng do gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong cho người bị hại (anh L) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Đ) vì vậy cần trả lại chiếc điện thoại trên cho bị cáo nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án về án phí ; Đối với chiếc điện thoại Sam sung thu giữ của anh Đ1, là tài sản riêng của anh Đ1, không liên quan đến vụ án, không phải là vật chứng của vụ án vì vậy cần trả lại cho anh Đ1.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản"

□p dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1,2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 16/12/2017.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T chiếc điện thoại Sony XPE RIA F3 116 màu xám bạc, nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án về án phí;

Trả lại cho anh Nguyễn văn Đ1 chiếc điện thoại Sam sung Galaxy J3 màu vàng.

Căn cứ □iều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo và người có quyền lợi liên quan có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

□n xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã K;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Mạnh